TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ** **----------** Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST Ngày 22/02/2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ- TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh
2. Bà Đỗ Thị Vân Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1977
ĐKHKTT: Khu 14, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Cao Hồng A**, sinh năm 1980
ĐKHKTT: Khu 1, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hồng A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11/5/2008, chị Đỗ Thị L và anh Cao Hồng A đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm với anh Hồng A không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồng A

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị L trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía bị đơn, anh Cao Hồng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi đăng kí hộ khẩu thường trú của anh Hồng A cùng với trưởng khu, Khu 1, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là ông Trần Văn Nam, ông Nam xác nhận chị L và anh Hồng A đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã H. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng cụ thể thì ông Nam không nắm rõ. Từ đầu năm 2022, vợ chồng ly thân, chị L chuyển ra khỏi nhà anh Hồng A về xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ sống. Anh Hồng A thường xuyên đi làm vắng mặt đến tối hoặc thỉnh thoảng mới về nhà. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14_ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L, chị L được ly hôn với anh Cao Hồng A.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Không có.
- *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 02/10/2023, chị Đỗ Thị L nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Cao Hồng A, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình, anh Hồng A có địa chỉ tại khu 1, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được Tòa án nhân dân thành phố Việt

Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Cao Hồng A được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Hồng A là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 11/5/2008, chị Đỗ Thị L và anh Cao Hồng A đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn một thời gian cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm với anh Hồng A không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồng A. Quá trình giải quyết vụ án anh Hồng A không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị L, anh Hồng A đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh Hồng A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hồng A không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh Hồng A không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị L xin ly hôn với anh Hồng A là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị L xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh Hồng A không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L xin ly hôn anh Cao Hồng A.

Xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Cao Hồng A.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị L xác định vợ chồng không có. Anh Hồng A không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005549 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

" Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS TP;*
- *Chi cục THADS TP. Việt Trì;.*
- *UBND xã H, TP. Việt Trì;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cẩm Vân

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cẩm Vân

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cẩm Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2023/TL-TA	*Việt Trì, ngày 24 tháng 02 năm 2023*

Do đó HĐXX nhất trí hoãn phiên tòa.
Biên bản lập xong hồi ..... giờ ..... phút, thông qua Hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**
	Nguyễn Cẩm Vân